TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Hồng Thạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Công Gia** và ông **Nguyễn Quang Chung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Thượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Lại Thị Hiền -** Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị V** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 4, xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Trọng L** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp 4, xã ĐL, huyện TP, tỉnh ĐN.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L tự nguyện kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện CT, tỉnh LĐ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng ý kiến trong mọi vấn đề của cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, không tôn trọng lẫn nhau. Do tình cảm giữa vợ chồng ngày càng phai nhạt nên từ cuối năm 2017 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Trọng L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Trọng C – sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Trọng S – sinh ngày 23/7/2008. Khi ly hôn, bà V đồng ý giao 02 con chung cho ông L được tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm thời bà chưa cấp dưỡng nuôi con do ông L không yêu cầu cầu.

- Về tài sản: Bà không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 09 tháng 12 năm 2020, bị đơn Nguyễn Trọng L trình bày:

- Về hôn nhân: Ông thừa nhận lời trình bày của bà V là đúng. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau nên đã không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay. Nay bà V yêu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Trọng C – sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Trọng S – sinh ngày 23/7/2008. Khi ly hôn, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Ông có việc làm và thu nhập ổn định nên ông không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Ông không yêu cầu giải quyết.

Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân của ông L (bản đối chiếu); giấy chứng nhận kết hôn (bản trích lục); giấy chứng minh nhân dân của bà V (bản sao); Giấy khai sinh của các con là Nguyễn Trọng C, Nguyễn Trọng S (bản đã đối chiếu); lời khai của nguyên đơn tại bản tự khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của bị đơn; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự; Bản thể hiện nguyện vọng của con chung.

Tòa án đã triệu tập phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu vắng mặt, Tòa án đã Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tống đạt theo đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Linh. Về hôn nhân: Cho bà V được ly hôn với ông L. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trọng C, Nguyễn Trọng S cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng,

tạm thời ông L không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà V và ông L trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu cầu giải quyết; nợ chung: Không có. Bà V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ông L có nơi cư trú tại xã Đắc Lua, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông L, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn giải quyết vắng mặt. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà V và ông L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện CT, tỉnh LĐ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 30/12/2004.

Các đương sự thừa nhận trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, thường xuyên cự cãi, không tin tưởng lẫn nhau. Từ cuối năm 2017 đến nay vợ chồng không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của các đương sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, bà V và ông L đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Khi ly hôn các đương sự thỏa thuận ông L tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Trọng C và Nguyễn Trọng S hiện chưa thành niên. Ông L không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con. Xét thỏa thuận của các đương sự là

không trái pháp luật, đảm bảo được điều kiện cho các con chung phát triển và phù hợp với nguyện vọng của các con. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về việc nuôi con chung tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi ông bà không còn chung sống, con chung chủ yếu do ông L chăm sóc. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ông L tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ, cở sở.

- Về tài sản: Bà V và ông L bày không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Bà V phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Nguyễn Trọng L.

- Về nuôi con: Giao cho ông Nguyễn Trọng L tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung chưa thành niên Nguyễn Trọng C, sinh ngày 07/01/2004 và Nguyễn Trọng S, sinh ngày 23/7/2008, tạm thời bà V chưa phải cấp dưỡng cho con. Bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Bà V và ông L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà V đã

nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003784 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Tư Nghĩa, huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng (Số 16, ngày 30/12/2004) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Thạnh